TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MAI SƠN** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 78/2019/QĐST-HNGĐ	*Mai Sơn, ngày 30 tháng 8 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN X TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ X CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 137/2019/TLST- HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2019 giữa:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị B, sinh năm 1983. Nơi ĐKHKTT và nơi ở: Z, thị trấn Hát Lót, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

Bị đơn: Anh Đỗ Văn T, sinh năm 1980. Nơi ĐKHKTT và nơi ở: Z, thị trấn Hát Lót, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

Căn cứ vào Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55; 81; 82; 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 8 năm 2019;

XÉT THẤY:

Việc X tình ly hôn và thoả X của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 8 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả X đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự X tình ly hôn giữa: Chị Bùi Thị B và anh Đỗ Văn T.

2. Sự thoả X của các đương sự cụ thể như sau:

a. Về tình cảm: Chị Bùi Thị B và anh Đỗ Văn T nhất trí X tình ly hôn.

b. Về con chung: Chị B, anh T có hai con chung là các cháu Đỗ Đình X, sinh ngày 22/02/2002 và cháu Đỗ Thu V, sinh ngày 23/9/2015. Giao cháu X, cháu V cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu X, cháu V trưởng

thành (đủ 18 tuổi). Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị B do chị B không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, anh T được quyền thăm nom con; không ai được cản trở anh T thực hiện quyền này theo quy định của Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

c. Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng: chị B, anh T xác nhận không có tài sản chung, nợ chung nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

d. Về án phí: Chị B chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm là 150.000 đồng; được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0003245 ngày 13 tháng 8 năm 2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Chị B được nhận lại số tiền 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn) đồng chẵn tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Mai Sơn;
- TAND tỉnh Sơn La;
- Chi cục THADS huyện Mai Sơn;
- UBND thị trấn Hát Lót, huyện Mai Sơn;
- Lưu: hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nông Văn Thịnh